TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày: 02-02-2023
V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phúc

2. Bà Đỗ Thị Trúc Ly

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đăng- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 766/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 7505/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

Ông Đặng Minh T, trú tại: Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 30/8/2022).

Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 8 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn- Ngân hàng TMCP A- Có ông Đặng Minh T đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 15/7/2019, ông Nguyễn Thành L có ký với Ngân hàng TMCP A (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A và bản Điều khoản và điều kiện sử dụng ứng dụng A Pay (sau đây gọi tắt là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền: 51.265.250 đồng và khoản vay trên A Pay: 20.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền thẻ tín dụng là: 44.878.517 đồng và khoản vay trên A Pay là: 9.173.338 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 26 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 22/10/2020 và ngày 25/10/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông L và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 26 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông L, yêu cầu ông L có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông L trả nợ, tuy nhiên ông L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/12/2022 gồm:

- Nợ thẻ tín dụng là: 19.218.033 đồng, trong đó: Nợ gốc: 9.546.499 đồng, nợ lãi quá hạn: 9.671.534 đồng;

- Nợ khoản vay trên A Pay là: 20.597.122 đồng trong đó: Nợ gốc: 12.836.902 đồng, nợ lãi quá hạn: 7.760.220 đồng.

Ông L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/12/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

** Đối với Bị đơn- Ông Nguyễn Thành L:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng ông L không có văn bản phản hồi ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Ông L không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Nguyên đơn đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử…được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về pháp luật tố tụng:*

[1.1] Ngày 15/7/2019, ông L cùng Ngân hàng xác lập Hợp đồng. Do ông L không thanh toán đúng hạn số tiền như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Ông L là Bị đơn, có nơi cư trú tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3

Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[1.2] Ông L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[1.3] Ngân hàng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng.

[2] *Về pháp luật nội dung*:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc là 22.383.401 đồng, trong đó nợ gốc của thẻ tín dụng là 9.546.499 đồng và nợ gốc vay trên A Pay là 12.836.902 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn; xét thấy, có đủ cơ sở xác định ngày 15/7/2019, ông L có ký Hợp đồng với Ngân hàng. Việc thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 91 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

Sau khi được cấp tín dụng, ông L không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng, tổng số tiền gốc ông L còn nợ Ngân hàng là 22.383.401 đồng.

Ông L hiện có thực tế cư trú tại địa chỉ ghi trong Hợp đồng, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L, nhưng ông L không đến Tòa giải quyết, không có văn bản phản đối yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; do đó, yêu cầu của Ngân hàng đòi ông L trả tổng số tiền nợ gốc là 22.383.401 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông L trả tiền lãi quá hạn tính đến ngày 14/12/2022 tổng cộng là: 17.431.754 đồng (trong đó, lãi quá hạn của thẻ tín dụng là 9.671.534 đồng, lãi quá hạn vay trên A Pay là 7.760.220 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/12/2022 cho đến khi ông L trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Theo trình bày của Ngân hàng, do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/10/2020 (đối với thẻ tín dụng) và ngày 25/10/2020 (đối với khoản vay trên A Pay), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Việc chuyển nợ quá hạn và cách tính tiền lãi của Ngân hàng phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 và thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng. Do đó Ngân hàng yêu cầu

ông L trả tiền lãi quá hạn tính đến ngày 14/12/2022 là 17.431.754 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/12/2022 cho đến khi ông L trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do các yêu cầu được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:*

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Thành L phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền (nợ gốc và nợ lãi) tạm tính đến ngày 14/12/2022 là 39.815.155đ (Ba mươi chín triệu tám trăm mười lăm nghìn một trăm năm mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc của thẻ tín dụng: 9.546.499đ (Chín triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn của thẻ tín dụng: 9.671.534đ (Chín triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng); nợ gốc vay trên A Pay là 12.836.902đ (Mười hai triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm lẻ hai đồng), lãi quá hạn vay trên A Pay là 7.760.220đ (Bảy triệu bảy trăm sáu mươi nghìn hai trăm hai mươi đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ

tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A và bản Điều khoản và điều kiện sử dụng ứng dụng A Pay.

Kể từ ngày 15/12/2022 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A và bản Điều khoản và điều kiện sử dụng ứng dụng A Pay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A và bản Điều khoản và điều kiện sử dụng ứng dụng A Pay các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.990.758đ (Một triệu chín trăm chín mươi nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng).

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A 931.656đ (Chín trăm ba mươi mốt nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0000427 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đức Tĩnh